

Số 19-CTrHD/TU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị

Sau hơn 3 năm triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW, nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, vai trò chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn được nâng lên rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển từ tư duy truyền thống sang kinh tế nông nghiệp đô thị hiện đại, gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ và thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần bảo đảm an ninh lương thực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp, nông thôn vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản chưa bền vững; hiệu quả kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng. Mức độ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún; thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, chưa hình thành nhiều thương hiệu nông sản có sức cạnh tranh cao. Nguyên nhân chủ yếu do tác động của biến đổi khí hậu, thiếu các dự án đầu tư quy mô lớn và việc cụ thể hóa, triển khai một số cơ chế, chính sách còn chậm, chưa đồng bộ.

Trong bối cảnh Thành phố thực hiện sáp nhập, mở rộng không gian phát triển, yêu cầu tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo quy mô vùng đặt ra cấp thiết. Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy hiệu quả nguồn lực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời, cần quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Kết luận số 219-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Chương trình hành động với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiệu quả hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 219-KL/TW; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt và hiệu quả.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa hiện đại, tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế của Thành phố; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, tổ chức sản xuất tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng.

Phát triển kinh tế nông thôn toàn diện, tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân; từng bước nâng cao vai trò, vị thế của nông dân. Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái, nông dân văn minh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng; gắn với phân công rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng tổ chức và người đứng đầu; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục hạn chế, bảo đảm các chủ trương được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 2,5%/năm¹;
- Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân khoảng 8%/năm².
- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm³.
- Phấn đấu đến năm 2030, 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030), trong đó khoảng 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; Thành phố Hồ Chí Minh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030⁴.
- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020⁵.
- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 100%.
- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 90%⁶.
- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 11%⁷.

¹ Số liệu bình quân từ Dự thảo Chương trình phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố.

² Mục tiêu của Thành phố giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

³ Mục tiêu đã được đặt ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁴ Mục tiêu của thành phố đã đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 224/UBND-ĐT ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và nhu cầu nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2035.

⁵ Mục tiêu đã được đặt ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁶ Tỷ lệ lao động qua đào tạo là một trong những nội dung thuộc Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố, theo đó giai đoạn 2021 - 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt $\geq 85\%$. Do đó, đề xuất đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 90%.

⁷ Mục tiêu của thành phố giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Phân đầu đến cuối năm 2030, không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo thành phố⁸.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%⁹.
- Phân đầu đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 cho nông nghiệp, nông thôn tăng ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011-2020¹⁰.
- Phân đầu đến năm 2030, 100% hoạt động quản lý nhà nước ngành nông nghiệp thực hiện trên nền tảng số; trên 80% hợp tác xã, doanh nghiệp và trên 70% hộ nông dân ứng dụng công nghệ số; trên 90% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp toàn trình¹¹.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng đội ngũ nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có trình độ, kỹ năng và thu nhập cao. Phát triển nền nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, có giá trị gia tăng cao; gắn kết chặt chẽ với thị trường trong nước và quốc tế, với công nghiệp chế biến, bảo quản và hệ thống logistics tiên tiến. Xây dựng nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị; môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị - Xã hội về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt từ thành phố đến cơ sở. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bảo đảm các chủ trương, chính sách được triển khai hiệu quả.

Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Tăng cường xã hội hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung ứng dịch vụ công phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

⁸ Mục tiêu của thành phố giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

⁹ Mục tiêu đã được đặt ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là 90%.

¹⁰ Bổ sung: Mục tiêu đã được đặt ra tại Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

¹¹ Quyết định 4742/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chiến lược chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; tạo điều kiện để người dân tham gia tích cực vào quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, phát huy tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân; tăng cường phối hợp với chính quyền cơ sở trong tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Gắn việc triển khai Chương trình hành động với các phong trào thi đua, cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động¹²; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tình hình mới.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn phát triển của Thành phố. Chủ động nghiên cứu, đề xuất các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, nhất là về đất đai, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa. Trong năm 2026, cơ bản hoàn thành việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng thành cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nông dân.

Nâng cao chất lượng công tác lập, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch được phê duyệt; rà soát, cân đối quỹ đất nông nghiệp phù hợp với định hướng phát triển từng địa bàn, bảo đảm sử dụng hiệu quả, bền vững.

Xây dựng, ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là chính sách tín dụng, tín dụng xanh; tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khuyến khích xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư; thu hút mạnh mẽ doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững.

Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm nông nghiệp theo yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế; hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu và truy xuất nguồn gốc; khuyến khích tham gia sâu vào các chuỗi giá trị, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Thành phố trên thị trường.

3. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

¹² Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; xây dựng khu dân cư “Đoàn kết - Nghĩa tình - Tự quản”; Phong trào “Thành phố muôn sắc hoa” gắn với xây dựng không gian sinh thái, môi trường sạch, xanh và thân thiện môi trường; các chương trình an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững,...

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tăng cường quản lý quy hoạch trong quá trình đô thị hóa, bảo đảm phát triển nông nghiệp, nông thôn hài hòa, bền vững. Triển khai đồng bộ các chiến lược, chương trình về thủy sản, lâm nghiệp; phát huy hiệu quả giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

Đẩy mạnh chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa và mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung cơ cấu lại ngành nông, lâm, thủy sản theo hướng kinh tế tuần hoàn, phát thải thấp; hình thành các vùng sản xuất tập trung, phát triển các ngành hàng chủ lực phù hợp với lợi thế từng địa bàn và nhu cầu thị trường.

Thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tăng cường hợp tác giữa các chủ thể theo mô hình “6 nhà”; phát triển hệ sinh thái kinh tế nông nghiệp tích hợp đa giá trị (chế biến, dịch vụ, du lịch, kinh tế carbon thấp), nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế.

Phát triển ngành thủy sản bền vững, hiện đại, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, mở rộng sản xuất trên biển gắn với bảo đảm an toàn và bảo vệ chủ quyền. Khuyến khích đầu tư hiện đại hóa đội tàu khai thác xa bờ.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất giống, trồng trọt, chăn nuôi; phát triển công nghiệp chế biến sâu, hệ thống logistics và dịch vụ hỗ trợ nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng trồng, vùng nuôi; phát triển cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp, kết nối với thị trường; tăng cường bảo hộ và khai thác hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ.

Nâng cao năng lực của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế nông thôn; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp. Tập trung phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp có vai trò dẫn dắt chuỗi giá trị; khuyến khích nông dân tham gia kinh tế tập thể, phát triển sản xuất quy mô lớn; đẩy mạnh nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình OCOP, giảm phát thải khí nhà kính.

Phát triển hạ tầng thị trường nông sản hiện đại; nghiên cứu hình thành sàn giao dịch nông sản, các trung tâm chế biến, xuất khẩu chuyên sâu. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, nâng cao năng lực dự báo; tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) để mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời phát triển vững chắc thị trường trong nước. Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm nông nghiệp tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

4. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nhằm hình thành đội ngũ nông dân có trình độ, kỹ năng và tư duy kinh tế nông nghiệp hiện đại, chuyên nghiệp. Khởi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên làm giàu; thúc đẩy chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh doanh nông nghiệp, nâng cao năng lực quản trị, khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và thương mại điện tử trong toàn bộ chuỗi giá trị nông sản; tăng cường khả năng thích ứng với biến động thị trường và biến đổi khí hậu.

Triển khai hiệu quả các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường và tạo việc làm tại chỗ; hỗ trợ tiếp cận vốn, tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp nông thôn. Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại khu vực nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực tham gia các chuỗi giá trị.

Hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nông dân; tạo điều kiện để người dân tham gia thực chất vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân ở khu vực nông thôn.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ pháp lý, chuyển giao khoa học - công nghệ, nâng cao kiến thức và kỹ năng sản xuất, kinh doanh cho nông dân.

5. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến và dịch vụ hỗ trợ. Tập trung thu hút doanh nghiệp có năng lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp có khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị, tham gia sâu vào thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời phát triển các mô hình kinh tế tập thể, liên kết hợp tác hiệu quả, bền vững, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn.

Nâng cao hiệu quả công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là công nghệ chế tạo thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng tự động hóa, thông minh; từng bước hình thành trung tâm sản xuất thiết bị nông nghiệp hiện đại của cả nước.

Phát triển đa dạng các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; tạo động lực phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp gắn với

đào tạo nguồn nhân lực, góp phần chuyển đổi sinh kế, nâng cao đời sống cho người dân nông thôn.

Triển khai hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; nâng cao chất lượng, gia tăng số lượng sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn cao; phát triển hạ tầng thương mại nông thôn hiện đại. Tăng cường vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, tiêu thụ; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông nghiệp.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; triển khai hiệu quả các chương trình, đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

6. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với quy hoạch đô thị; tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sử dụng hiệu quả đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị. Phát triển các vùng sản xuất tập trung, chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại thân thiện môi trường; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, lưu thông gắn với vùng nguyên liệu.

Tổ chức không gian phát triển nông nghiệp, nông thôn theo các phân khu chức năng, bảo đảm kết nối đồng bộ, phát huy lợi thế từng khu vực trong tổng thể phát triển của Thành phố. Khu vực lõi phát triển nông nghiệp đô thị, trung tâm giống, công nghệ sinh học và logistics; khu vực phía Bắc phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi quy mô lớn; khu vực ven biển phát triển kinh tế biển, nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, du lịch sinh thái. Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, hình thành không gian “làng trong phố, phố trong làng”.

Triển khai xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, phù hợp với đặc thù đô thị đặc biệt; hoàn thiện hệ thống tiêu chí nông thôn mới; phát triển không gian xanh, không gian văn hóa đặc trưng, gắn với mở rộng không gian kinh tế biển. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của cấp cơ sở trong tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân nông thôn. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng tiệm cận đô thị, đồng bộ, hiện đại, đa mục tiêu (giao thông, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường...); tăng cường kết nối vùng và liên kết với các hạ tầng chiến lược của Thành phố. Ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách, đồng thời huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Đổi mới tổ chức và nâng cao năng lực hệ thống nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện môi trường. Đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn, nền tảng dữ liệu nông nghiệp tập trung, bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin, phục vụ truy xuất nguồn gốc và quản lý, điều phối chuỗi cung ứng.

Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn; tăng cường liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Phát huy vai trò của các tổ chức khoa học - công nghệ công lập; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thực hiện cơ chế đặt hàng, khoán sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất.

Đẩy mạnh đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực cho nông dân theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; trang bị kiến thức về khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, thương mại điện tử và kỹ năng thích ứng với biến động thị trường, dịch bệnh, thiên tai. Tạo điều kiện để nông dân tiếp cận nguồn vốn, tham gia khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các chuỗi giá trị nông nghiệp.

Triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. Ưu tiên hỗ trợ lao động trẻ và các khu vực đặc thù; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và hội nhập quốc tế.

8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Bảo đảm hài hoà mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường bảo vệ môi trường nhằm phát triển nông thôn ngày càng xanh, sạch, đẹp, hiện đại, văn minh; đẩy mạnh thu gom, xử lý rác thải, chất thải nguy hại; tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ các khu dân cư có nguy cơ thiên tai; tăng cường điều tiết, phục hồi hệ sinh thái sông, hồ, rừng ngập mặn. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thời tiết, các sự cố, thảm họa để chủ động thích ứng, phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân.

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh. Gắn quy hoạch, sử dụng đất nông thôn với phát triển đô thị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải tại các làng nghề, cơ sở sản xuất; thu hút

đầu tư phát triển hạ tầng xử lý nước thải, chất thải tập trung tại các cụm công nghiệp, dịch vụ nông thôn.

Chủ động đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn, thoái hóa đất, gắn với việc thực hiện Chương trình bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao, khu vực ven sông, ven biển và vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường bảo vệ, phát triển hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng ngập mặn và các khu dự trữ sinh quyển; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng, nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn và kinh tế carbon trong nông nghiệp; xây dựng hệ thống kiểm kê, đo lường phát thải khí nhà kính; từng bước hình thành thị trường tín chỉ carbon nông nghiệp. Phát huy lợi thế tài nguyên rừng, biển; phấn đấu đưa Thành phố trở thành hình mẫu về phát triển nông nghiệp bền vững, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" (Net Zero).

9. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực

Phát huy vai trò của Thành phố là trung tâm giao dịch, xuất khẩu nông sản của cả nước; khai thác hiệu quả lợi thế hệ thống cảng biển, logistics, tài chính để nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản trên thị trường quốc tế.

Chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng; tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý, dự báo và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Kịp thời điều chỉnh chính sách thương mại phù hợp với biến động thị trường; rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm nông nghiệp tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài (FDI), ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến và dịch vụ nông thôn.

Mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường; thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Tăng cường hợp tác trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường xuyên biên giới.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); tăng cường quản lý, kiểm soát hoạt động tàu cá, xử lý nghiêm các vi phạm, góp phần phát triển ngành thủy sản bền vững, nâng cao uy tín quốc gia trên thị trường quốc tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chương trình hành động của Thành ủy đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện. Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp; gắn kết quả thực hiện với công tác cán bộ, đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động bằng các chương trình, đề án cụ thể; bảo đảm nguồn lực thực hiện; tổ chức hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chương trình hành động; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

4. Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ gắn với việc thực hiện Chương trình hành động; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích; đồng thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoặc thực hiện không hiệu quả.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với việc tổ chức thực hiện; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng.

6. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Chương trình hành động; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bảo đảm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (để báo cáo),
- Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy,
- Các đảng ủy cấp trên cơ sở thuộc Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành Thành phố,
- Đảng ủy các phường, xã, đặc khu;
- Văn phòng Thành ủy: Lãnh đạo, Phòng TH (Hung),
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M THÀNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Lê Quốc Phong